TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24-5-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Tùng.

Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tuấn Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 28/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Cẩm T, sinh năm 1993 (Có mặt);
Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Anh D, sinh năm 1987 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T và anh D tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc và có với nhau 01 con chung. Tuy nhiên, đến năm 2021 giữa chị T và anh D phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D thường xuyên say sỉn, không chăm lo cuộc sống gia đình. Chị T đã cho anh D nhiều cơ hội để sửa đổi nhưng đều không có kết quả và anh chị đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2021 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, chị T yêu cầu được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Chị T và anh D có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Anh T1, sinh ngày 21/12/2019. Hiện tại cháu T1 đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, chị T không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn Anh D vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, chưa gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn anh D vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Anh D và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đây là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh D có nơi cư trú tại ấp G, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Xét bị đơn anh Nguyễn Anh D mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh D.

[3] Về hôn nhân: Chị T và anh D chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 53 ngày 25/12/2019 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị T trình bày giữa chị và anh D xảy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được nên chị T yêu cầu được ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ, Tòa án triệu tập anh D để trình bày ý kiến và tham gia phiên hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng anh D đều vắng mặt. Điều đó cho thấy anh D không phản đối yêu cầu của chị T, không có thiện chí và nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa anh D và chị T không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa chị T và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị T và anh D có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Anh T1, sinh ngày 21/12/2019. Hiện tại cháu T1 đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng, để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo cho sự phát triển bình thường của cháu T1 nên cần thiết giao cháu cho chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và anh D được quyền thăm nom con theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày anh chị không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Cẩm T, chị T được ly hôn với anh Nguyễn Anh D.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Anh T1, sinh ngày 21/12/2019 cho chị Lê Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Anh D có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008444 ngày 10/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, nên chị T đã nộp xong án phí.

Anh Nguyễn Anh D không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh D vắng mặt tại phiên toà được quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- UBND xã P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thơm